

Thương mại Việt Nam - Trung Quốc năm 2009: cơ cấu xuất nhập khẩu, cán cân thương mại và triển vọng

NGUYỄN CHIẾN THẮNG
PHẠM BÍCH NGỌC

Bài viết phân tích làm rõ tình hình thực tế buôn bán biên mậu giữa Việt Nam và Trung Quốc, cán cân thương mại, cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu, đánh giá triển vọng thương mại và xu hướng cán cân thương mại hai nước.

Quan hệ thương mại Việt – Trung có hai đặc điểm nổi bật là hoạt động biên mậu chiếm tỷ trọng đáng kể và nhập siêu từ Trung Quốc vào Việt Nam liên tục tăng trưởng và giữ vị trí số 1 trong “rổ” nhập siêu của Việt Nam trong những năm gần đây. Năm 2009, nhập siêu của Việt Nam trong quan hệ thương mại với Trung Quốc đã lên tới con số 11,5 tỷ USD, tương đương với tổng số xuất siêu của Việt Nam với Hoa Kỳ và EU. Bài viết này sẽ phân tích kỹ cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu giữa hai nước, từ đó làm rõ nguyên nhân của tình trạng nhập siêu của Việt Nam. Trước khi đi sâu vào việc phân tích tình trạng nhập siêu, bài viết giới thiệu sơ lược đặc điểm buôn bán biên giới (biên mậu) giữa hai nước.

1. Buôn bán biên mậu – một thành tố quan trọng trong buôn bán giữa hai nước

Việt Nam và Trung Quốc có chung đường biên giới trên đất liền với chiều dài khoảng 1.400 km đi qua 7 tỉnh biên giới của Việt Nam là: Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh; tiếp giáp với 2 tỉnh biên giới của Trung Quốc là Vân Nam và Quảng Tây.

Hiện nay, biên giới đất liền giữa hai nước có 21 cửa khẩu, trong đó có 5 cửa khẩu quốc tế, 2 cửa khẩu chính, 14 cửa khẩu phụ và

hàng chục đường mòn, lối mở biên giới phục vụ cho giao thương của doanh nghiệp và cư dân khu vực biên giới hai nước. Chính phủ cũng đã phê duyệt thành lập một số Khu Kinh tế cửa khẩu, Khu Thương mại – Công nghiệp biên giới... đóng góp tích cực cho sự phát triển hợp tác kinh tế thương mại Việt Nam và Trung Quốc trong thời gian qua.

Ngày 31-12-2008, tại Hà Nội, Việt Nam và Trung Quốc đã ra Tuyên bố chung về việc hoàn thành công tác phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc. Đây là một sự kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại trong quan hệ Việt – Trung: lần đầu tiên Việt Nam và Trung Quốc có một đường biên giới trên đất liền hoàn chỉnh. Việc xác định rõ ràng đường biên giới trên thực địa sẽ góp phần tạo môi trường ổn định rất thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng giao lưu hữu nghị, hợp tác toàn diện giữa hai nước, trong đó có thương mại biên giới.

Thương mại biên giới Việt Nam – Trung Quốc tăng mạnh trong những năm vừa qua, cụ thể: kim ngạch xuất nhập khẩu (XNK) năm 2006 đạt khoảng 2,69 tỷ USD, năm 2007 đạt 5,46 tỷ USD, năm 2008 đạt hơn 6,50 tỷ USD, tăng bình quân mỗi năm trên 40% và chiếm 32,24 % tỷ trọng kim ngạch

Nguyễn Chiến Thắng, ThS.; Phạm Bích Ngọc, Viện Kinh tế Việt Nam.

XNK Việt Nam - Trung Quốc¹.

Hiện tại, hàng hóa chủ yếu được tập trung qua các cửa khẩu thuộc tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Quảng Ninh (năm 2008 chiếm 85,1%

kim ngạch XNK biên mậu, riêng tỉnh Quảng Ninh đạt 4,07 tỷ USD, bằng 62,5% tổng kim ngạch XNK biên mậu của 7 tỉnh có biên giới với Trung Quốc).

BẢNG 1. Kim ngạch buôn bán qua các cửa khẩu biên giới Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2006-2008 (triệu USD)

Năm	Quảng Ninh	Lạng Sơn	Cao Bằng	Hà Giang	Lào Cai	Lai Châu	Điện Biên
2006	1.469,08	576,00	36,91	113,00	452,82	39,02	3,72
2007	1.787,30	847,24	31,11	192,98	852,98	19,16	4,11
2008	4.070,00	1.498,00	136,00	149,87	622,93	12,51	18,5

Nguồn: Vụ Thương mại miền núi, Bộ Công thương.

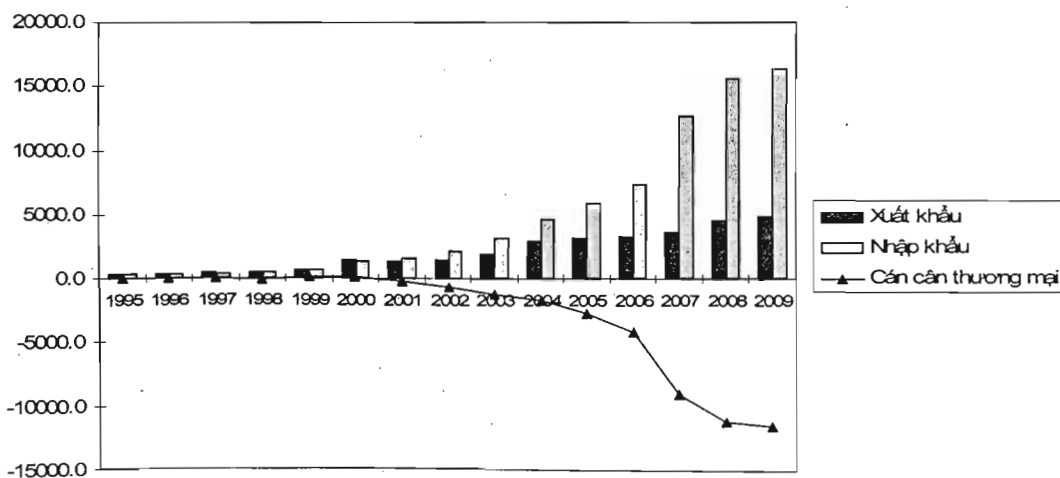
2. Cán cân thương mại giữa hai nước

Nhìn vào số liệu XNK giữa Việt Nam và Trung Quốc có thể thấy tốc độ tăng trưởng nhập khẩu cao hơn rất nhiều so với xuất khẩu. Nếu như từ năm 2000 trở về trước, xuất khẩu và nhập khẩu chênh lệch không đáng kể (Việt Nam xuất siêu) thì từ 2001 đến nay nhập khẩu đã tăng lên nhanh chóng, cao gần gấp đôi xuất khẩu năm 2005 (5,9 tỷ USD so với 3,2 tỷ USD), và cao hơn 3 lần so với xuất khẩu năm 2009 (16,4 tỷ USD so với 4,9 tỷ USD). Nếu không tính năm 2009 là năm hoạt động thương mại của Việt Nam với thế giới nói chung và với Trung Quốc nói riêng chịu ảnh hưởng nặng nề của khủng hoảng tài chính toàn cầu, trong giai

đoạn 2001-2008 tốc độ tăng trưởng trung bình xuất khẩu sang Trung Quốc là 15,7%/năm, thấp hơn so với tăng trưởng trung bình của tổng xuất khẩu là 20,4%/năm. Trong khi đó, tăng trưởng trung bình của nhập khẩu từ Trung Quốc cùng giai đoạn 2001-2008 là 36,2%, cao hơn nhiều so với tăng trưởng trung bình của tổng nhập khẩu là 23,2%.

Do vậy, về cán cân thương mại với Trung Quốc có thể chia làm hai giai đoạn: giai đoạn năm 2000 trở về trước, Việt Nam là nước xuất siêu không đáng kể; giai đoạn từ năm 2001 đến nay: Việt Nam là nước nhập siêu. Giá trị nhập siêu tăng nhanh chóng từ 188 triệu USD năm 2001 lên 2,6 tỷ USD năm 2005 và 11,5 tỷ USD năm 2009.

HÌNH 1. Cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc giai đoạn 1995-2009 (triệu USD)



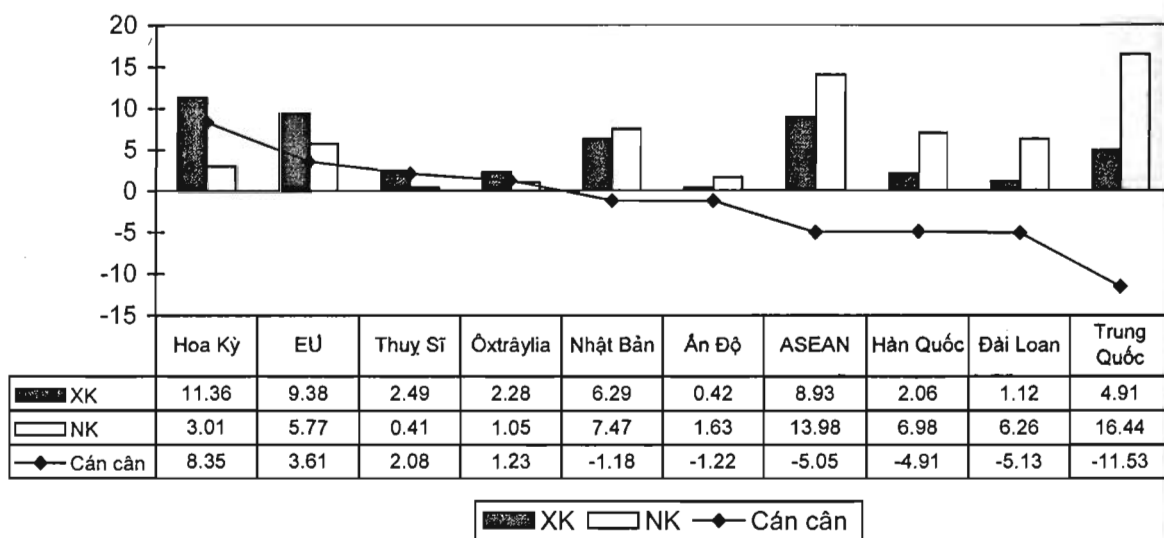
Nguồn: Tổng cục Thống kê

1. Tham luận của Vụ Thương mại miền núi tại Hội thảo giới thiệu về thị trường Trung Quốc (Bộ Công thương tổ chức tại Hà Nội, ngày 24-7-2009).

So sánh với cán cân thương mại với các nước khác, số liệu thống kê năm 2009 cho thấy Trung Quốc đứng thứ nhất trong các nước và vùng lãnh thổ Việt Nam nhập siêu với 11,5 tỷ

USD, theo sau là ASEAN, Đài Loan, Hàn Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản. Đứng đầu trong các nước mà Việt Nam xuất siêu là Hoa Kỳ với 8,3 tỷ USD, theo sau là EU, Thụy Sĩ, Ôxtrâyliá.

HÌNH 2. Cán cân thương mại với một số thị trường chính của Việt Nam, 2009 (tỷ USD)



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, 2009

3. Cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu

Phân tích sâu cơ cấu hàng hóa XNK giữa hai nước sẽ giúp làm rõ nguyên nhân tại sao nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc lại lớn đến như vậy.

Về *xuất khẩu*, hàng hóa Việt Nam xuất sang Trung Quốc chủ yếu là tài nguyên và những hàng hóa chưa được chế biến, nguyên liệu thô, giá trị thấp, lợi nhuận mang lại không nhiều. Còn về *nhập khẩu*, Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc chủ yếu là máy móc, thiết bị, những mặt hàng công nghiệp làm nguyên liệu đầu vào (dệt may, hóa chất, thép,...). Điều này phản ánh sự khác nhau trong cơ cấu ngành nghề, cơ cấu tài nguyên, chênh lệch về lực lượng lao động, trình độ kỹ thuật.

3.1. Cơ cấu xuất khẩu sang Trung Quốc

Với tổng kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc của Việt Nam năm 2009 là 4,9 tỷ USD, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu thứ 5 của Việt Nam sau Hoa Kỳ (11,4 tỷ

USD), EU (9,4 tỷ USD), ASEAN (8,9 tỷ USD) và Nhật Bản (6,29 tỷ USD), chiếm gần 8,6% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam.

Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc chủ yếu các sản phẩm nông sản, tài nguyên khoáng sản như: dầu thô, than đá, thủy hải sản, cao su thiên nhiên và tỷ trọng không đáng kể các sản phẩm tiêu dùng sử dụng nhiều lao động như ngành may mặc, giày dép... Cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam hiện nay tương tự cơ cấu xuất khẩu của Trung Quốc trong những năm 1980. Tuy nhiên, đến nay cơ cấu hàng xuất khẩu của Trung Quốc đã được cải thiện nhiều theo hướng gia tăng những mặt hàng có giá trị gia tăng cao².

2. Trong cơ cấu xuất khẩu hàng hóa Trung Quốc với thế giới giai đoạn 2001-2007, xuất khẩu các sản phẩm cơ điện tăng từ 44,6% lên 57,6% và xuất khẩu các sản phẩm kỹ thuật cao mới tăng từ 17,5% lên 28,6% (Phạm Bích Ngọc, 2009).

Bảng 2: Những mặt hàng chủ yếu Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc năm 2009

Tên mặt hàng	ĐVT	Lượng	Trị giá (Triệu USD)	Tỷ trọng giá trị (%)
Tổng số			4.909,0	100,0
Than đá	Tấn	20.453.501	935,8	19,1
Cao su	Tấn	510.245	856,7	17,5
Sắn và các sản phẩm từ sắn	Tấn	2.956.709	506,1	10,3
Dầu thô	Tấn	1.032.921	462,6	9,4
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		287,2	5,9
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		197,9	4,0
Hạt điều	Tấn	38.548	177,5	3,6
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD		133,6	2,7
Hàng thủy sản	USD		124,9	2,5
Xăng dầu các loại	Tấn	203.734	118,1	2,4
Quặng và khoáng sản khác	Tấn	1.670.233	103,6	2,1
Giày dép các loại	USD		98,0	2,0
Hàng rau quả	USD		55,3	1,1
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	USD		46,7	1,0
Hàng dệt, may	USD		46,2	0,9
Sản phẩm từ cao su	USD		35,5	0,7
Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD		30,2	0,6
Cà phê	Tấn	17.396	24,9	0,5
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	18.242	20,5	0,4
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		19,6	0,4
Sản phẩm hóa chất	USD		16,8	0,3
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		15,9	0,3
Hóa chất	USD		11,0	0,2
Sắt thép các loại	Tấn	10.919	10,6	0,2
Sản phẩm từ sắt thép	USD		8,4	0,2
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	USD		7,4	0,2
Chè	Tấn	6.669	7,2	0,1
Dây điện và dây cáp điện	USD		6,7	0,1
Giấy và các sản phẩm từ giấy	USD		3,1	0,1
Sản phẩm gốm, sứ	USD		2,1	0,0
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	USD		0,2	0,0

Nguồn: Tổng cục Hải quan.

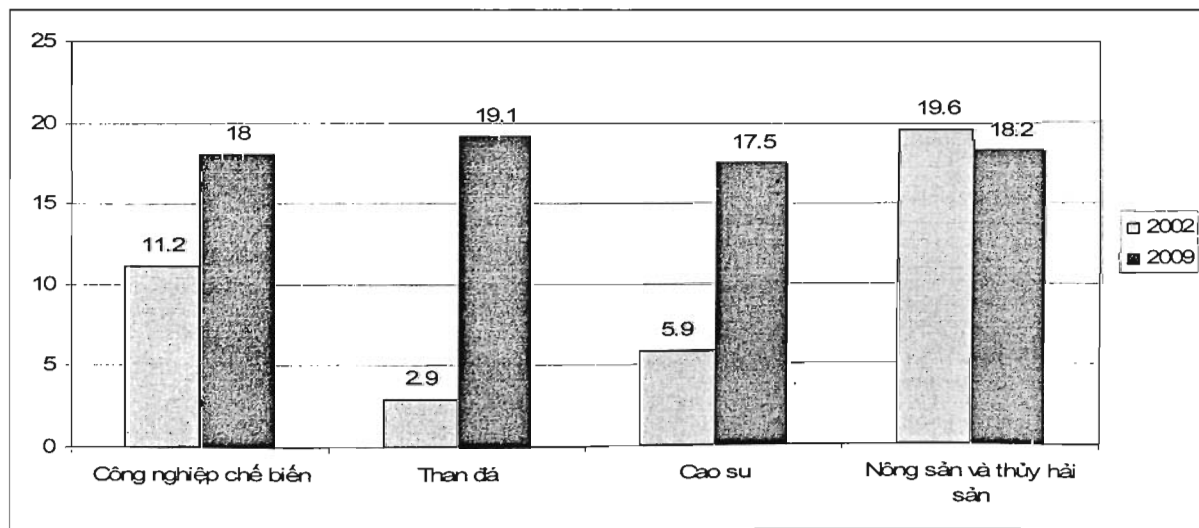
Trong thời gian vừa qua, cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc chậm thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến. Nếu như năm 2002, tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc là 11,2%, nhưng đến năm 2009 mới chỉ tăng lên đến 18%, tăng trung bình mỗi năm 1 điểm phần trăm. Trong khi đó những nước như Thái Lan, Malaixia, Philippin đã tăng đáng kể tỷ trọng hàng công nghiệp trong giai đoạn 1996-2007. Kể cả Ấn Độ, tỷ trọng xuất khẩu hàng công nghiệp sang Trung Quốc cũng cao hơn nhiều so với Việt Nam.³ Có thể lý giải cho hiện tượng này là do yếu tố khá tương đồng giữa cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam với cơ cấu hàng hóa trong nước của phía Trung Quốc. Điều này khiến cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam khó cạnh tranh được với hàng hóa sản xuất trong nước của Trung Quốc với ưu thế giá rẻ và mẫu mã đa dạng hơn.

Ngược lại với sự chuyển dịch chậm theo hướng tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế

biến, tỷ trọng các mặt hàng khoáng sản, nguyên liệu thô lại tăng nhanh, đặc biệt là hai mặt hàng than đá và cao su tự nhiên. Nếu như than đá chiếm tỷ trọng 2,9% năm 2002 (44,3 triệu USD), thì đến năm 2009 đã tăng lên tới 19,1% (935 triệu USD). Mặt hàng cao su năm 2002 mới chỉ chiếm 5,9% (89,8 triệu USD), thì đến năm 2009, tỷ trọng đã đạt 17,5% (856 triệu USD). Điều này cho thấy xuất khẩu của Việt Nam phản ứng rất nhanh với nhu cầu của phía Trung Quốc khi sự phát triển quá nóng của nền kinh tế Trung Quốc đòi hỏi nhu cầu rất cao về năng lượng, cụ thể là than đá và bên cạnh đó sự phát triển như vũ bão của ngành công nghiệp ô tô của họ cũng đang cần số lượng lớn cao su tự nhiên để sản xuất lốp xe ô tô.

Nhóm hàng nông sản, thủy hải sản giảm nhẹ về tỷ trọng từ 19,6% năm 2002 xuống còn 18,2% năm 2009, nhưng lại tăng khá nhanh về giá trị tuyệt đối từ 297 triệu USD năm 2002 lên 895 triệu USD năm 2009.

HÌNH 3. Các nhóm mặt hàng xuất khẩu chính sang Trung Quốc giai đoạn 2002-2009 (%)



Nguồn: Tổng cục Hải quan.

Một điểm đáng chú ý là mặc dù mặt hàng rau củ quả xuất khẩu của Việt Nam được hưởng ưu đãi thuế quan theo Chương trình Thu hoạch sớm của Hiệp định AC-FTA (Hiệp

3. Nguyễn Văn Lịch - Hồ Trung Thanh: *Định hướng chiến lược phát triển quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc đến năm 2020*.

định thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc), theo đó phía Trung Quốc sẽ phải mở cửa sớm hơn và giảm nhiều dòng thuế hơn đối với hàng hóa của Việt Nam, nhưng các doanh nghiệp Việt Nam lại không tận dụng được cơ hội này và giá trị xuất khẩu mặt hàng này sang Trung Quốc lại có xu hướng sụt giảm, từ 145 triệu USD năm 2001 xuống còn 35 triệu USD năm 2005 và 55 triệu USD năm 2009. Trong khi đó, phía Trung Quốc lại tìm cách gia tăng được lượng xuất khẩu rau quả vào Việt Nam, đạt con số 168,9 triệu USD, cao hơn nhiều so với lượng rau quả của Việt Nam xuất sang Trung Quốc.

Điều này cho thấy những yếu kém mà các doanh nghiệp Việt Nam đang phải đối mặt như: chất lượng mặt hàng không ổn định, không có thương hiệu trên thị trường quốc tế, vấn đề bảo quản và bao bì, đóng gói còn

yếu kém. Lãnh đạo một số tỉnh phía Bắc có đường biên giới với Trung Quốc đã nhấn mạnh đến khó khăn về hạ tầng cơ sở như vật cản lớn nhất trong giao lưu thương mại biên mậu, chẳng hạn khó khăn trong việc thiết lập mạng lưới giao thông từ cửa khẩu đến khu kiểm hóa, từ ga đường sắt đến các cụm công nghiệp chưa tốt, chưa có kho hàng hóa chất lượng cao, chưa có kho lạnh cho hàng thủy sản... Ngoài ra, chính sách biên mậu của phía Trung Quốc thường xuyên thay đổi, điều chỉnh, áp dụng các chính sách biên mậu linh hoạt (cho từng thời kỳ, từng địa phương, từng mặt hàng,...) nên đã gây những khó khăn nhất định cho các cơ quan quản lý và doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh kênh trao đổi thông tin chính sách biên mậu giữa hai bên còn chưa được thực hiện tốt.

Hộp 1. Hiệp định thu hoạch sớm Việt Nam - Trung Quốc

Bắt đầu từ ngày 1-1-2004, Việt Nam và Trung Quốc đã thực hiện việc cắt giảm thuế xuất nhập khẩu theo chương trình "Thu hoạch sớm" (EH) được ký kết giữa ASEAN và Trung Quốc nhằm sớm đi đến hình thành khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc. Theo chương trình này, có nhiều dòng thuế được cắt giảm nhanh hơn và thậm chí nằm ngoài khuôn khổ CEPT/AFTA đã thỏa thuận.

Theo cam kết cắt giảm thuế trong EH, từ năm 2004, Việt Nam phải cắt giảm 88 dòng thuế nhập khẩu từ Trung Quốc thuộc ba nhóm (trên 30%, 15-30% và dưới 15%) xuống bằng 0% vào năm 2008. Hiện nay, thực tế đã có 8 dòng thuế có thuế suất bằng 0% nên Việt Nam chỉ phải cắt giảm 80 dòng thuế. Ngược lại, phía Trung Quốc phải cắt giảm 206 dòng thuế nhập khẩu từ Việt Nam đạt tới thuế suất bằng 0% trước ngày 1-1-2006. Trong đó, 123 dòng thuế suất trên 15%, 76 dòng có thuế từ 5 - 15% và có 7 dòng thuế hiện nay đã áp dụng 0%. Theo lộ trình, phía Trung Quốc phải cắt giảm thuế khá mạnh và nhanh.

3.2. Cơ cấu nhập khẩu từ Trung Quốc

Trong những năm gần đây Trung Quốc là nước nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam. Năm 2009, kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc đạt con số 16,4 tỷ USD, cao hơn cả tổng nhập khẩu từ toàn bộ khối các nước ASEAN gộp lại (13,8 tỷ USD), và bằng tổng nhập khẩu từ Hàn Quốc và Đài Loan cộng lại.

Nhìn vào cơ cấu nhập khẩu từ Trung Quốc, Việt Nam nhập khẩu chủ yếu các sản phẩm vật tư, nguyên liệu sản xuất như máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, vải, máy vi

tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, xăng dầu, sắt thép sử dụng cho xây dựng và đóng tàu, phân bón, vật tư nông nghiệp, nguyên phụ liệu dệt may, hóa chất,... còn lại là một tỷ trọng không lớn hàng tiêu dùng như: rau quả, ô tô, xe máy, các sản phẩm gỗ, giấy, dược phẩm, bánh kẹo.

Công nghiệp phụ trợ của Việt Nam chưa phát triển, do vậy các doanh nghiệp trong nước vẫn phải nhập số lượng lớn các nguyên liệu đầu vào từ Trung Quốc để phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Chẳng hạn

như hàng may mặc, Hiệp Hội Dệt may Việt Nam (Vitas) cho biết: hơn 30% vải nguyên liệu cung cấp cho các nhà sản xuất trong nước được nhập khẩu từ Trung Quốc⁴.

BẢNG 3: Những mặt hàng chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc năm 2009

Tên mặt hàng	ĐVT	Lượng	Trị giá (triệu USD)	Tỷ trọng giá trị (%)
Tổng kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc của Việt Nam			16.441,0	100
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	USD		4.155,3	25,3
Vải các loại	USD		1566,0	9,5
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		1.463,6	8,9
Xăng dầu các loại	Tấn	2.431.836	1.290,2	7,8
Sắt thép các loại	Tấn	1.309.888	815,7	5,0
Phân bón các loại	Tấn	1.951.305	596,0	3,6
Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày	USD		407,4	2,5
Hóa chất	USD		399,1	2,4
Sản phẩm từ sắt thép	USD		386,8	2,4
Linh kiện, phụ tùng ô tô	USD		314,3	1,9
Sản phẩm hóa chất	USD		309,5	1,9
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		235,3	1,4
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	USD		202,1	1,2
Khí đốt hóa lỏng	Tấn	348.938	201,3	1,2
Hàng rau quả	USD		168,9	1,0
Ô tô nguyên chiếc các loại	Chiếc	4.368	152,6	0,9
Kim loại thường khác	Tấn	57.205	144,5	0,9
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD		140,9	0,9
Dây điện và dây cáp điện	USD		138,0	0,8
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	79.938	135,1	0,8
Linh kiện, phụ tùng xe máy	USD		133,7	0,8
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		120,0	0,7
Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	51.277	115,6	0,7
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	USD		100,9	0,6
Sản phẩm từ giấy	USD		80,0	0,5
Nguyên phụ liệu thuốc lá	USD		75,2	0,5
Nguyên phụ liệu dược phẩm	USD		65,8	0,4
Sản phẩm từ cao su	USD		57,2	0,3
Sản phẩm từ kim loại thường khác	USD		53,9	0,3
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	USD		50,4	0,3
Giấy các loại	Tấn	56.075	46,5	0,3
Dược phẩm	USD		25,6	0,2
Xe máy nguyên chiếc	Chiếc	34.188	20,3	0,1
Cao su	Tấn	10.208	16,6	0,1
Hàng thủy sản	USD		12,1	0,1
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	USD		7,2	0,0
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		4,4	0,0
Bông các loại	Tấn	1.401	2,5	0,0
Dầu mỡ động thực vật	USD		0,9	0,0
Sữa và sản phẩm sữa	USD		0,2	0,0

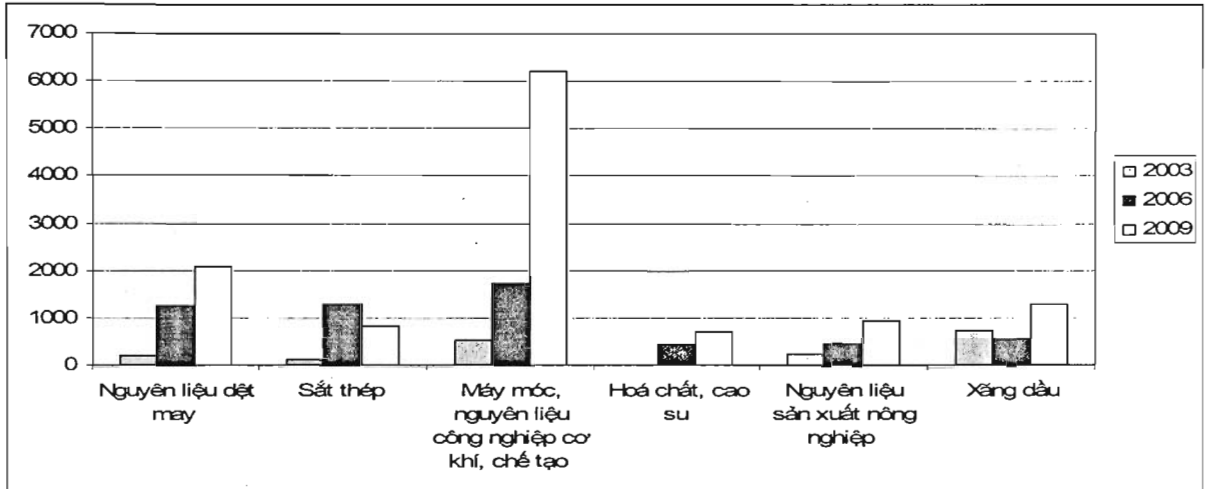
Nguồn: Tổng cục Hải quan.

4. Trần Tâm (2009), *Cán cân thương mại Việt-Trung quá chênh lệch*. Báo Thanh niên Online.

Nếu chia các hàng hóa nhập khẩu làm đầu vào cho sản xuất theo các nhóm nguyên liệu dệt may, sắt thép, máy móc, nguyên liệu công nghiệp cơ khí, chế tạo, hóa chất, cao su, nguyên liệu sản xuất nông nghiệp và xăng dầu, có thể thấy trừ nhóm sắt thép, tất cả các nhóm khác đều tăng trưởng trong giai

đoạn 2003-2009, trong đó nhóm hàng máy móc, nguyên liệu cơ khí, chế tạo tăng trưởng mạnh nhất (từ 0,5 tỷ USD năm 2003 lên 1,7 tỷ năm 2006 và 6,2 tỷ USD năm 2009), sau đó là nhóm hàng nguyên liệu dệt may (tương ứng 3 năm là 0,2 tỷ, 1,3 tỷ và 2,1 tỷ USD).

HÌNH 4. Các nhóm hàng nhập khẩu chính từ Trung Quốc, 2003-2009 (tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan.

Về cơ cấu nhập khẩu, có sự chuyển dịch mạnh sang nhóm máy móc, nguyên liệu công nghiệp cơ khí, chế tạo (từ 7% năm 2003 lên 23,4% năm 2006 và lên tới 37,8% năm 2009). Bên cạnh đó, mặc dù

giảm gần 5 điểm phần trăm từ năm 2006 đến năm 2009, nhưng tỷ trọng nhóm nguyên liệu dệt may năm 2009 vẫn cao hơn nhiều so với năm 2003 (12,7% so với 2,7%).

BẢNG 4. Cơ cấu hàng nhập khẩu Trung Quốc giai đoạn 2003-2009 (%)

	2003	2006	2009
Nguyên liệu dệt may	2,7	17,2	12,7
Sắt thép	1,5	17,5	5,0
Nguyên liệu công nghiệp cơ khí, chế tạo	7,0	23,4	37,8
Hóa chất, cao su	0,2	6,0	4,3
Nguyên liệu sản xuất nông nghiệp	3,3	6,5	5,7
Xăng dầu	9,8	7,5	7,8

4. Triển vọng thương mại giữa hai nước

Có thể nói, triển vọng phát triển thương mại Việt Nam – Trung Quốc là rất lớn. Hai bên đều có thể gia tăng xuất khẩu của mình nhờ vào lợi thế so sánh của mỗi nước.

4.1. Triển vọng xuất khẩu của Việt Nam

- Có một số nhân tố thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc.

+ Đây là thị trường khổng lồ với dân số hơn 1,3 tỷ người, có nhu cầu rất lớn phục vụ

ổn định đời sống người dân và xã hội trước mắt, cũng như các nhu cầu dự trữ chiến lược trong trường hợp thiên tai, biến đổi khí hậu,... Hơn nữa, Trung Quốc còn là công xưởng lớn nhất thế giới đang trong giai đoạn phát triển nóng, có nhu cầu nhập khẩu lớn đối với tất cả các loại nguyên, nhiên vật liệu, khoáng sản, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất tiêu dùng trong nước, cho gia công xuất khẩu.

Tuy nhiên, cần phải có tầm nhìn dài hạn đối với các mặt hàng khoáng sản, tài nguyên không thể tái tạo được. Chúng ta không thể theo cách tiếp cận tăng trưởng xuất khẩu bằng mọi giá mà không tính đến yếu tố phát triển bền vững. Không có lý gì khi Trung Quốc đưa ra các biện pháp hạn chế xuất khẩu tài nguyên thì Việt Nam lại tiếp tục bán tài nguyên với tốc độ gia tăng. Do vậy, trong thời gian tới Chính phủ cần phải có chủ trương hạn chế xuất khẩu sang Trung Quốc các mặt hàng tài nguyên, khoáng sản như than đá, dầu thô.

+ Hiện nay, Việt Nam mới chỉ xuất khẩu chủ yếu sang 12 tỉnh thuộc khu vực miền Nam, Tây Nam Trung Quốc (Quảng Tây, Quảng Đông, Vân Nam, Quý Châu, Tứ Xuyên, Trùng Khánh...) và gần đây bắt đầu đặt chân lên một số tỉnh Đông Bắc. Do vậy, nếu chúng ta tiếp tục tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng phạm vi địa lý xuất khẩu sang các tỉnh khác, sâu vào trong nội địa của Trung Quốc thì đây sẽ là một thị trường cực kỳ rộng lớn.

+ Với lợi thế địa lý có chung đường biên giới trên bộ dài đến hàng ngàn km, hệ thống giao thông đường sắt, đường bộ, đường thủy tương đối thuận tiện cho vận chuyển hàng hóa, hạ giá thành sản phẩm, hoạt động buôn bán qua biên giới giữa hai nước Việt Nam – Trung Quốc có nhiều cơ hội để tiếp tục mở rộng.

+ Đây là thị trường có nhu cầu đa dạng. Nhu cầu giữa các vùng miền ở Trung Quốc khác nhau. Các tỉnh Đông Bắc và khu vực miền Trung có nhu cầu thường xuyên về rau

quả nhiệt đới, thực phẩm đồ uống chế biến từ nguyên liệu hoa quả nhiệt đới. Miền Tây Nam Trung Quốc có nhu cầu thường xuyên về thủy hải sản do không có biển. Miền Đông và các đặc khu kinh tế cần nhiều loại sản phẩm cao cấp từ các nước láng giềng phía Nam; đồ gỗ cao cấp, thủy hải sản tươi sống cao cấp, hoa quả nhiệt đới cao cấp.

+ Hiệp định AC-FTA (Hiệp định Thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc) cũng tạo điều kiện tốt cho hàng hóa của Việt Nam xâm nhập vào thị trường Trung Quốc. Theo Hiệp định này Trung Quốc hạ thấp hàng rào thuế quan cho hàng hóa Việt Nam sớm hơn là Việt Nam áp dụng với hàng hóa Trung Quốc. Tuy nhiên, thời gian vừa qua Việt Nam vẫn chưa tận dụng tốt cơ hội này thông qua Chương trình Thu hoạch sớm, trong khi phía các doanh nghiệp Trung Quốc đã làm tốt hơn điều này khi xuất khẩu một lượng hoa quả lớn vào Việt Nam.

- Bên cạnh những nhân tố thuận lợi cho việc mở rộng xuất khẩu, cũng có khó khăn cho phía Việt Nam xâm nhập vào thị trường Trung Quốc khi hiện nay, thị trường nội địa Trung Quốc đang được củng cố và sắp xếp lại do Chính phủ chuyển trọng tâm từ kinh tế hướng ra xuất khẩu sang chủ động mở rộng nhu cầu trong nước. Có nghĩa là hàng Việt Nam vào thị trường Trung Quốc sẽ khó khăn hơn do chính sách hỗ trợ khuyến khích sản xuất và sử dụng hàng nội địa, vì trước kia chưa có chính sách hỗ trợ này hàng hóa Trung Quốc đã có thế mạnh về mẫu mã đa dạng và giá cả rẻ hơn nhờ lợi thế quy mô thị trường.

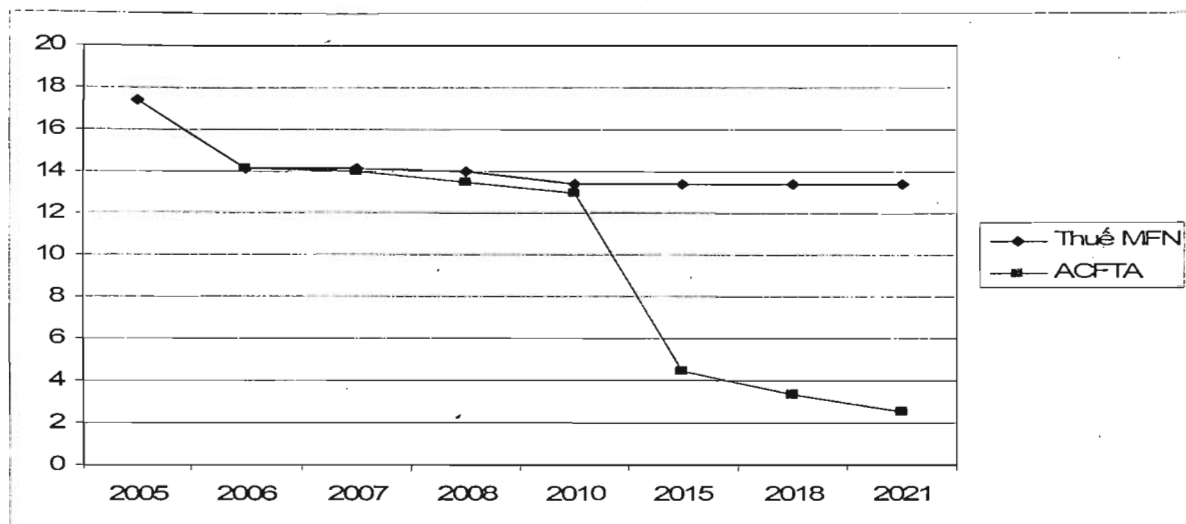
4.2. Triển vọng nhập khẩu từ Trung Quốc

- Trong giai đoạn tới khi Việt Nam vẫn chưa giải được bài toán công nghiệp phụ trợ, chúng ta vẫn phải dựa vào thị trường đầu vào cho sản xuất từ các doanh nghiệp Trung Quốc. Thiết bị máy móc, nguyên vật liệu từ Trung Quốc vẫn có thế mạnh đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam nhờ giá thành và công nghệ ở mức trung bình.

- Sau năm 2010, mức giảm thuế quan của Việt Nam trong khuôn khổ ACFTA sẽ lớn hơn nhiều so với thời gian trước đó (xem hình 5). Do vậy, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải sẵn sàng đương đầu với

một làn sóng hàng Trung Quốc trong giai đoạn tới. Đây sẽ là một thách thức rất lớn đối với cán cân thương mại Việt – Trung khi mà mức thâm hụt thương mại đã ở mức kỷ lục.

Hình 5. Cam kết thuế của Việt Nam trong ACFTA so với MFN



Nguồn: Vụ Xuất nhập khẩu, Bộ Công thương

4.3. Triển vọng cán cân thương mại

Nhìn vào triển vọng xuất khẩu và nhập khẩu giữa Việt Nam với Trung Quốc, có thể dự đoán rằng xuất khẩu và nhập khẩu đều sẽ gia tăng, nhưng nhập khẩu tiếp tục gia tăng với tốc độ cao hơn nhiều so với xuất khẩu như trong giai đoạn vừa qua, vì hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam phần lớn có giá trị thấp so với cơ cấu xuất khẩu hàng hóa của Trung Quốc đã được cải thiện nhiều trong thời gian qua. Thâm hụt thương mại có thể tiếp tục được nới rộng.

Tuy nhiên, thâm hụt thương mại này chủ yếu để mua hàng hóa phục vụ sản xuất, không phải cho tiêu dùng xa xỉ, do vậy trong thời gian tới nếu chưa phát triển được ngành công nghiệp phụ trợ, chúng ta vẫn phải tiếp tục sống chung với tình trạng này nếu muốn tiếp tục mở rộng sản xuất trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

Để giải quyết được vấn đề nhập siêu này cần phải đồng thời giải quyết được hai bài toán: đẩy mạnh xuất khẩu theo hướng gia

tăng tỷ trọng các mặt hàng công nghiệp chế biến có giá trị gia tăng cao (tìm được các thị trường ngách ở Trung Quốc) và dần dần xây dựng được ngành công nghiệp phụ trợ, không phải phụ thuộc quá lớn vào các thị trường hàng hóa đầu vào từ Trung Quốc./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nguyễn Văn Lịch - Hồ Trung Thanh (2010), *Định hướng chiến lược phát triển quan hệ thương mại Việt Nam – Trung Quốc đến năm 2020*.
2. Phạm Bích Ngọc (2009), *Điều chỉnh chính sách thương mại của Trung Quốc sau WTO*. Chuyên đề đề tài cấp Bộ.
3. Vương Quyên (2003), *Phân tích thực tế thương mại Trung - Việt*, Tạp chí Đông Nam Á tung hoành số 1-2003
4. Doãn Công Khánh (2008), *Quan hệ thương mại Việt Nam – Trung Quốc: thực tiễn và những vấn đề đặt ra*. Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc số 4(83), 2008.
5. Trần Tâm (2009), *Cán cân thương mại Việt – Trung quá chênh lệch*. Báo Thanh niên Online.
6. Website của Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam.
7. Tham luận của Vụ Thương mại miền núi tại Hội thảo giới thiệu về thị trường Trung Quốc (Bộ Công thương tổ chức tại Hà Nội, ngày 24-7-2009).